

Bản án số: 137/2024/DS-ST

Ngày: 23-9-2024

V/v: tranh chấp hợp đồng vay tiền

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé

2. Ông Thạch Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu, là Thư Ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường - Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 8 và ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023, về việc tranh chấp hợp đồng vay tiền, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2024/QĐXXST-DS ngày 29/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 142/2024/QĐST-DS ngày 16/8/2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 22/2024/QĐST-DS ngày 23/8/2024 và Thông báo ngày xét xử số: 05/TB-TA ngày 06/9/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đinh Văn S, sinh năm 1968 (chết ngày 30/11/2023). Địa chỉ: Ấp Đại S, xã Tập Ng, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:*

Ông Đinh Văn S, sinh năm 1947. Địa chỉ: Ấp Đại S, xã Tập Ng, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đề nghị giải quyết vắng mặt

Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp Đại S, xã Tập Ng, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt, có đề nghị giải quyết vắng mặt

Chị Đinh Thị Cẩm D, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp Đại S, xã Tập Ng, huyện Tiểu C, Trà Vinh. Vắng mặt, có đề nghị giải quyết vắng mặt

Anh Đinh Hoàng D, sinh năm 1999. Địa chỉ: Ấp Đại S, xã Tập Ng, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (con ông Sáng). Vắng mặt, có ủy quyền

- *Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của anh Đinh Hoàng Dũ:* Ông Trần Kiến Q, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp Nhon H, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh (văn bản ủy quyền ngày 22/01/2024). Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn Th, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Kiều N, sinh năm 1972. Cùng địa chỉ: Ấp Ngãi H, xã Tập Ng, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 03/10/2023 nguyên đơn ông Đinh Văn S trình bày, yêu cầu:

Do ông và ông Bùi Văn Th, bà Nguyễn Thị Kiều N có quen biết nhau nên ông cho ông Th, bà N mượn tiền nhiều lần, cụ thể như sau: Lần 1, ngày 05/11/2022 (âl) cho mượn 650.000.000đ; Lần 2, ngày 06/01/2023 (âl) cho mượn 30.000.000đ; Lần 3, ngày 11/02/2023 (âl) cho mượn 20.000.000đ; Lần 4, ngày 24/02/2023 (dl) cho mượn 443.800.000đ; Lần 5, ngày 05/4/2023 (dl) cho mượn 50.000.000đ; Lần 6, ngày 03/4/2023 (âl) cho mượn 01 cây vàng loại 24kara; Lần 7, ngày 06/01/2023 (âl) cho mượn 30.000.000đ; Lần 8, không nhớ ngày tháng năm, cho mượn 98.760.000đ và ông có trả lãi Ngân hàng dùm cho ông Thanh, bà Nương 5.000.000đ. Do ông Th, bà N không trả tiền nên ngày 24/5/2023 âl ông đến nhà đòi và ông có viết biên nhận nợ cho bà N ký, bà N cũng thừa nhận và đồng ý trả số tiền tổng cộng 1.317.650.000đ và 01 cây vàng loại 24kara. Ông bị bệnh nặng cần tiền trị bệnh, mà hai người không trả tiền nên ông khởi kiện đòi ông Th, bà N trả số tiền 1.317.560.000đ và 01 cây vàng loại 24kara này.

Tại các lời trình bày của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đinh Văn S là anh Đinh Hoàng D trình bày, yêu cầu:

Anh là con của ông Đinh Văn S (chết ngày 30/11/2023), với tư cách là một trong các người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông S thì anh vẫn giữ yêu cầu khởi kiện bà N, ông Th trả số tiền 1.317.560.000đ và 01 cây vàng loại 24kara, không yêu cầu trả lãi. Số tiền này là tiền của gia đình anh bán đất được và giao cho ông S cất giữ. Nhưng ông S tự cho ông Th, bà N mượn mà không nói cho người nào trong gia đình biết, đến khi ông S trở bệnh nặng cần tiền trị bệnh và gia đình hỏi thì ông S mới cho gia đình biết là ông cho ông Th, bà N mượn tiền nhiều lần, không lấy lãi và đến nay cũng không trả. Do các lần ông S cho mượn tiền không có biên nhận nên ông S có viết biên nhận nợ, có vợ chồng bà N, ông S ký tên, đó là “*giấy vay tiền nợ*” mặt trước ghi ngày 5/11/2022 âl, mặt sau ghi ngày 24/5/2023 âl xong giao cho ông S giữ. Nhưng giờ chỉ còn bản phô tô cung cấp cho Tòa án, bởi vì bản chính ông S đã giao lại cho bà N do bà N nói cần lấy cho người quen xem để xin tiền trả cho ông S. Nội dung giấy vay tiền này, từ dòng chữ: “*Cộng hòa*” đến “*... ghi chú...*” là do ông S viết, từ dòng chữ: “*Hôm nay*” đến mặt sau là do ông Th viết, ký tên và ông Th còn tự ký thay tên bà N. Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là “*giấy cam kết đề ngày 28 tháng 9 năm 2023*”. Toàn bộ nội dung tờ cam kết là do bà N và ông Th cùng tự viết, cùng ký tên có sự chứng kiến của ông Kim Xuân R là Công an viên ấp Ngãi H và anh có quay hình, ghi âm bằng điện thoại và có chép ra USB nộp cho Tòa án để xem xét.

Tại phiên tòa ngày 23/8/2024 và phiên tòa ngày 23/9/2024 người đại diện hợp pháp của anh Đinh Hoàng D là ông Trần Kiến Q trình bày, yêu cầu:

Đến hôm nay phía anh D là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Đinh Văn S vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ông Th và bà N đòi hai người này trả tiền vay gốc 1.317.560.000đ và 01 cây vàng loại 24kara, không yêu cầu trả lãi theo giấy cam kết trả nợ do ông Th, bà N tự nguyện viết và ký tên tại nhà của ông Th, bà N vào ngày 28/9/2023 có sự chứng kiến của Công an viên ấp Ngãi Hòa và anh D cũng đã có yêu cầu Tòa án xác minh đối với ông Công an viên ấp này, đây chính là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện hợp pháp nên phía anh D và những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông S không yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ bổ sung, cũng không yêu cầu trưng cầu giám định các chữ viết, chữ ký của ông Th, bà N tại tờ cam kết. Tại phiên tòa ngày 23/9/2024 ông Q cho rằng theo nội dung tờ cam kết ngày 28/9/2023, số tiền ông Th, bà N thừa nhận và đồng ý trả cho ông S là 1.380.000.000đ (một tỷ, ba trăm tám mươi triệu đồng), trong đó: tiền mặt là 1.317.560.000đ và 01 cây vàng loại 24kara thời điểm đó có giá 62.440.000đ/01 cây, đến thời điểm xét xử giá vàng loại 24kara có giá khoảng trên 80.000.000đ/01 cây, nhưng phía nguyên đơn đồng ý yêu cầu theo số tiền tại tờ cam kết là 1.380.000.000đ. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Tại các đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt cùng ngày 21/01/2024 của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Đinh Văn S gồm: ông Đinh Văn S, bà Nguyễn Thị Th, chị Đinh Thị Cẩm D có cùng ý kiến về yêu cầu với anh Đinh Hoàng D.

Bị đơn ông Bùi Văn Th và bà Nguyễn Thị Kiều N trình bày tại biên bản chấm dứt hòa giải đối thoại tại Tòa án ngày 17/10/2023 cho rằng:

Ông Th, bà N thừa nhận có vay số tiền 300.000.000đ của ông S vào ngày 15/10/2022 ăl, không có biên nhận, lãi suất thỏa thuận 7%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả và ông bà chỉ đồng ý trả cho ông S số tiền 300.000.000đ, không đồng ý trả theo ông S yêu cầu, ông bà không thừa nhận các chữ viết, chữ ký trong giấy nhận nợ, giấy cam kết là do ông bà viết và ký.

Tại biên bản xác minh ngày 20/9/2024 đối với ông Kim Xuân R là Công an viên ấp Ngãi H cho rằng:

Thời điểm năm 2023 ông là Công an viên ấp Ngãi H, xã Tập Ng, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Ông Bùi Văn Th và bà Nguyễn Thị Kiều N là người dân sinh sống tại địa phương lâu năm, cách nhà ông vài trăm mét và hành nghề bói toán, trị bệnh. Liên quan nội dung giấy cam kết ngày 28/9/2023 Tòa án cần xác minh ông cho biết: thời điểm đó ông không nhớ ngày tháng năm, khi ông đang ở nhà thì có người dân gần nhà ông Th, bà N gọi điện thoại báo cho ông nói nhà ông Th, bà N có người đòi nợ và sợ hai bên nói chuyện cự cãi lớn tiếng rồi xảy ra đánh nhau nên người dân báo Công an ấp. Khi ông tới thì thấy mấy người đòi nợ là gia đình ông S ở ấp Đại S có 05 người mà không biết họ tên cụ thể và ông Th, bà N đang nói chuyện bình thường, không có cự cãi lớn tiếng và trong cuộc nói chuyện đó ông nghe những người đòi nợ nói thiếu tiền thì trả đi, không trả thì viết giấy nợ đi, trên 01 tỷ mấy lặn, không có tiền trả thì viết giấy nợ đi, hai bên

vừa nói qua nói lại và ông Th, bà N thì vừa viết giấy nợ, thấy họ tự nguyện viết chứ không có bị ai ép buộc, viết xong giao cho mấy người đòi nợ và họ đi về nhà, cụ thể nội dung giấy nợ viết như thế nào thì ông không biết. Do hai bên không có xảy ra cự cãi hay đánh nhau gì cả nên ông không có lập biên bản sự việc, mọi người về hết thì ông cũng đi về.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án đối với thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng phía nguyên đơn chấp hành có mặt theo các thông báo, triệu tập, bị đơn thì vắng mặt không lý do. Tuy bị đơn được triệu tập hợp lệ, nhưng sự vắng mặt của họ cũng ảnh hưởng đến việc cần xét hỏi để làm rõ một số vấn đề liên quan trong vụ án về các lần nguyên đơn cho vay tiền.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi nghiên cứu tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại các phiên tòa, căn cứ vào kết quả diễn biến phiên tòa và phần yêu cầu của nguyên đơn, nhận thấy: theo giấy cam kết ngày 28/9/2024 nguyên đơn cung cấp thể hiện bà N, ông Th thừa nhận có vay tiền ông S và còn thiếu 1.380.000.000đ là có thật, bởi nội dung giấy cam kết được viết tại nhà bà N, ông Th và có ông Kim Xuân R là Công an viên ấp Ngãi H chứng kiến, ông R cũng xác nhận ông Th, bà N viết giấy cam kết là tự nguyện, không có bị ép buộc hoặc bị gây áp lực gì cả. Do đó, có cơ sở xác định ông Th, bà N vay tiền của ông S, căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, đề nghị:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Th, bà N có trách nhiệm trả cho những người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông S số tiền 1.380.000.000đ, về tiền lãi họ không yêu cầu nên không xem xét; về án phí đề nghị xử lý theo quy định.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sự vắng mặt tại phiên tòa của những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là có đề nghị xét xử vắng mặt, đối với bị đơn là vắng mặt đến lần thứ hai không lý do, không đề nghị xét xử vắng mặt hoặc vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan. Nhận thấy, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đương sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, căn cứ vào điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và xác định tư cách đương sự đảm bảo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện ông S tại đơn ngày 03/10/2023, đến ngày 30/11/2023 ông Sáng chết, căn cứ vào điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án

đã đưa người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông S vào tham gia tố tụng, đối với ông S, bà Th, chị D có đề nghị xét xử vắng mặt, riêng anh D có ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Q đại diện. Tại phiên tòa, ông Q đại diện trình bày giữ yêu cầu khởi kiện đòi ông Th, bà N trả tiền vay (mượn) gốc tổng cộng 1.380.000.000đ theo giấy cam kết ngày 28/9/2024. Nhận thấy, số tiền này so với đơn khởi kiện ban đầu là 1.317.560.000đ và 01 cây vàng loại 24kara là phù hợp, không vượt quá phạm vi khởi kiện. Bởi giá trị 01 cây vàng loại 24kara thời điểm lập tờ cam kết được hai bên thống nhất là 62.440.000đ, so với giá thời điểm xét xử là thấp hơn và có lợi cho bị đơn, cộng hai khoản bằng 1.380.000.000đ trùng khớp với nội dung giấy cam kết, cụ thể như sau:

“Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

độc lập tự do

tiểu căn ngày 28 tháng 9 năm 2023

giấy cam kết

tôi tên nguyên thị kiều nương 084172000294

tôi có mượn của đình văn sáng

với số tiền 1038000,0000000000

một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng chẵn

lúc tôi viết nội dung trên tôi hoàn toàn tự dất

tỉnh táo

(có khoản cách)

Tôi là chồng

Bùi Văn Thanh

Tôi có mượn 300.000.000

Một mình tôi

Còn lại là 1.000.80.000.000

Một tỉ tám mươi triệu đồng

Tổng cộng số tiền trên

Hai vợ chồng tôi hoàn toàn đồng ý

Với số nợ trên

người kí tên nguyên thị kiều nương

Người viết là

nương

Bùi Văn Thanh

(ký tên Thanh)”

[2.1] Tại hòa giải đối thoại ngày 17/10/2023 ông Th, bà N thừa nhận thiếu nợ ông S 300.000.000đ và đồng ý trả số tiền này, đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với số tiền còn lại 1.080.000.000đ, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ đối với ông Th, bà N nhiều lần, nhưng đương sự vắng mặt không lý do, không có văn bản nêu ý kiến của mình, cũng không có yêu cầu phản tố, coi như họ từ bỏ

quyền được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2.2] Qua dữ liệu ghi hình ngày 28/9/2023 tại thời điểm lập cam kết và lời khai của ông Kim Xuân R là Công an viên ấp Ngãi H xác nhận ông trực tiếp có mặt, chứng kiến sự việc ông Th, bà N tự nguyện viết cam kết thiếu nợ và đồng ý trả như nội dung thể hiện tại giấy cam kết ngày 28/9/2023. Nhận thấy, ông R chứng kiến sự việc với tư cách là chính quyền địa phương tại ấp được người dân thông báo nên lời khai này là khách quan, trung thực, thể hiện khi ông Th, bà N viết giấy cam kết là tự nguyện, không có sự ép buộc hoặc hăm dọa, cho thấy giấy cam kết được lập là hợp pháp. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 1.380.000.000đ, đối với tiền lãi chậm trả đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử như nêu trên, nên có căn cứ chấp nhận

[4] Về án phí: căn cứ vào điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và **điều 26 của** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định, buộc bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nguyên đơn không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 2 điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Đinh Văn S sinh năm 1968 (chết ngày 30/11/2023).

Buộc ông Bùi Văn Th và bà Nguyễn Thị Kiều N có nghĩa vụ liên đới cùng trả cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đinh Văn S (gồm ông Đinh Văn S, bà Nguyễn Thị Th, chị Đinh Thị Cẩm D và anh Đinh Hoàng D), số tiền 1.380.000.000đ (*bằng chữ*: một tỷ, ba trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tất cả các khoản tiền) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Bùi Văn Th và bà Nguyễn Thị Kiều N có nghĩa vụ liên đới cùng chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 53.400.000 đồng {36.000.000đ + (580.000.000đ x 3%)}, (bằng chữ: năm mươi ba triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Trả lại những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đinh Văn S (gồm ông Đinh Văn S, bà Nguyễn Thị Th, chị Đinh Thị Cẩm D và anh Đinh Hoàng D) tiền tạm ứng án phí đã nộp 26.588.400đ (bằng chữ: hai mươi sáu triệu, năm trăm tám mươi tám nghìn, bốn trăm đồng), theo biên lai thu tiền số: 0019886 ngày 24/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có người đại diện có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Kim Thị Hồng Nga